BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG HỢP LƯU VỰC SÔNG BA VÀ VÙNG PHỤ CẬN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

TIỀM NĂNG TÀI NGUYÊN NƯỚC VÙNG QUY HOẠCH

STT	Vùng quy hoạch (Lưu vực sông Ba và phụ cận)	Tài nguyên nước dưới đất		Tài nguyên nước mặt		
		Tổng lượng dòng chảy của lưu vực (Tr m3/năm)	Trữ lượng tĩnh tương NDĐ (Tr m3/năm)	Trữ lượng có thể KTNDĐ (Tr m3/năm)	Tổng lượng dòng chảy mặt (Tr m3/năm)	Tổng lượng dòng chảy mùa kiệt (Tr m3/năm)	Tổng lượng dòng chảy mùa kiệt (Tr m3/năm)
1	Thượng sông Ba	1.292	191	57,3	1.101	653	448
2	An Khê - Ba Ayun	1.880,8	194,8	58,5	1.686	1.217	469
3	Trung lưu sông Ba	1.859,3	146,3	43,9	1.713	1.047	666
4	Hạ lưu sông Ba	1.358,8	333,8	100,2	1.025	622	403
5	Ba Ayun	2.664,9	715,9	214,8	1.949	1.291	658
6	Sông Hinh	1.743,2	109,2	32,8	1.634	1.188	446
7	Krông Năng	1.468,3	239,3	71,8	1.229	724	505
8	Vùng phụ cận	1.182,4	171,4	51,4	1.011	559	452
	Tổng	**13.449,7**	**2101,7**	**630,7**	**11.348**	**7.301**	**4.047**

NGƯỠNG GIỚI HẠN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

STT	Vùng quy hoạch (Lưu vực sông Ba và phụ cận)	Trữ lượng có thể khai thác NDĐ (m3/ngày)	Hiện trạng khai thác NDĐ (m3/ngày)	Ngưỡng giới hạn khai thác NDĐ (m3/ngày)
1	Thượng sông Ba	157.017	7.345	149.673
2	An Khê - Ba Ayun	160.143	24.576	135.567
3	Trung lưu sông Ba	120.278	18.098	102.180
4	Hạ lưu sông Ba	274.393	31.945	242.448
5	Ba Ayun	588.381	64.597	523.784
6	Sông Hinh	89.730	5.603	84.127
7	Krông Năng	196.661	35.384	161.276
8	Vùng phụ cận	140.858	43.617	97.242
	Tổng	**1.727.461**	**231.165**	**1.496.296**

LƯỢNG NƯỚC TRỮ ĐỂ ĐIỀU HÒA PHÂN BỔ CỦA CÁC HỒ

TT	Vùng quy hoạch (Lưu vực sông Ba và phụ cận)	Dung tích trữ để điều tiết (Tr. m3)		TT	Vùng quy hoạch (Lưu vực sông Ba và phụ cận)	Dung tích trữ để điều tiết (Tr. m3)		Nguyên tắc phân bổ
		Từ	Đến			Từ	Đến	
I	**Dung tích trữ từ 85% đến 100%**	967,42	1138,14	II	**Dung tích trữ từ 50% đến 85%**	569,07	967,42	
1	Thượng sông Ba			1	Thượng sông Ba			- Phân bổ hài hòa nước giữa các thùng trong cả mùa cạn; - Thứ tự ưu tiên: + Cấp nước cho sinh hoạt; + Cấp nước cho ngành sản xuất có giá trị kinh tế cao; + Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp; + Cấp nước cho phát điện nếu được huy động.
	An Khê	4,76	5,6		An Khê	2,8	4,76	
	Ka Nak	242,68	285,5		Ka Nak	142,75	242,68	
2	Trung lưu sông Ba			2	Trung lưu sông Ba			
	1 a MLá	41,34	48,64		1 a MLá	24,32	41,34	
	Sông Ba Hạ	141,02	165,9		Sông Ba Hạ	82,95	141,02	
3	Sông Ba Ayun			3	Sông Ba Ayun			
	Ayun hạ	170,85	201		Ayun hạ	100,5	170,85	
4	Sông Hinh			4	Sông Hinh			
	Sông Hinh	274,55	323		Sông Hinh	161,5	274,55	
5	Kroong H'Nàng			5	Kroong H'Nàng			
	Krroong H'Nàng	92,23	108,5		Krroong H'Nàng	54,25	92,225	

DÒNG CHẢY TỐI THIỂU

TT	Tên sông, suối	Chiều dài (km)	Vị trí quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí hành chính (xã/phường, tỉnh)		Giá trị dòng chảy tối thiểu (m3/s)	
				Xã/Phường	Tỉnh	Từ	Đến
1	Sông Ba*						
2	Sông Ea Sơn	63	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ba Ayun	Chư A Thai	Gia Lai	0,26	2,09
3	Sông Ea Tia	5	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Son	Ia Hiao	Gia Lai	0,02	0,17
4	Sông Ea Bal	24	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Son	Phú Thiện	Gia Lai	0,06	0,51
5	Sông Ea Ko nho	10	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Bal	Phú Thiện	Gia Lai	0,03	0,21
6	Phụ lưu số 1	3,5	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Ko nho	Phú Thiện	Gia Lai	0,01	0,07
7	Sông Ia Hao	37	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ba Ayun	Ia Hiao	Gia Lai	0,23	1,84
8	Suối Ea Chre Lao	12	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ia Hao	Ia Hiao	Gia Lai	0,07	0,60
9	Sông Ea Rbol	42	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ba	Ia Hrung	Gia Lai	0,19	1,44
10	Suối Ia Rau	9,5	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Rbol	Ea Hiao	Đắk Lắk	0,04	0,33
11	Sông Ea Mlách*						
12	Suối Lôn	8	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Egeo	Phú Túc	Gia Lai	0,02	0,17
13	Sông Cà Lúi	56	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ba	Phú Túc	Gia Lai	0,16	1,21
14	Sông Krông Năng*						
15	Suối Ea Kra	24	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Pych	Ea Hiao	Đắk Lắk	0,11	0,74
16	Phụ lưu số 1	7	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Pla	Ia Dreh	Gia Lai	0,03	0,22
17	Suối Hnm	15	Vị trí trước điểm nhập lưu sông Krông Năng	Ia Dreh	Gia Lai	0,07	0,46
18	Sông Ký Lô	95,5	Trạm thủy văn An Thành	Tuy An Bắc	Đắk Lắk	0,93	7,59

*: Giá trị dòng chảy tối thiểu toàn thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba

CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA NGUỒN NƯỚC

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Hệ tọa độ VN2000 KTT 105 múi chiếu 6		Chức năng cơ bản của nguồn nước đến năm 2030
			Vị trí điểm đầu (xã/phường, tỉnh)	Vị trí điểm cuối (xã/phường, tỉnh)	
1	**Sông Ba**				
1.1	Đoạn sông Ba 1: từ thượng nguồn đến thủy điện An Khê	111	Xã Đăk Rong, tỉnh Gia Lai (X: 1613357 ; Y: 486418)	Xã Cửu An, tỉnh Gia Lai (X: 1550386 ; Y: 519284)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho thủy điện 4. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp;
1.2	Đoạn sông Ba 2 từ thủy điện An Khê đến điểm nhập lưu sông Đăk Px Ko vào sông Ba	53	Xã Cửu An, tỉnh Gia Lai (X: 1550386 ; Y: 519284)	Xã SRó, tỉnh Gia Lai (X: 1516669 ; Y: 506181)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho thủy điện 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp;
1.3	Đoạn sông Ba 3: từ sau điểm nhập lưu sông Đăk Px Ko vào sông Ba đến điểm nhập lưu suối Chư Gu vào sông Ba	103	Xã SRó, tỉnh Gia Lai (X: 1516669 ; Y: 506181)	Xã Uar, tỉnh Đắk Lắk (X: 1465591 ; Y: 515931)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho thủy điện 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp;
1.4	Đoạn sông Ba 4: từ sau điểm nhập lưu suối Chư Gu vào sông Ba đến ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk	35	Xã Uar, tỉnh Gia Lai (X: 1465591 ; Y: 511931)	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (Giáp ranh giữa xã Ia Hdreh, tỉnh Gia Lai và xã Sroễ Trai, tỉnh Đắk Lắk) (X: 1448970 ; Y: 527499)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho thủy điện 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp;
1.5	Đoạn sông Ba 5: từ ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk đến hồ sông Ba Hạ	25	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (Giáp ranh giữa xã Ia Hdreh, tỉnh Gia Lai và xã Sroễ Trai, tỉnh Đắk Lắk) (X: 1448970 ; Y: 527499)	Xã Sroễ Trai, tỉnh Đắk Lắk (X: 1438880 ; Y: 541774)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp; 4. Cấp nước cho thủy điện
1.6	Đoạn sông Ba 6: từ sau hồ sông Ba Hạ đến trạm thủy văn Công Sơn	16	Xã Sroễ Trai, tỉnh Đắk Lắk (X: 1438880 ; Y: 541774)	Xã Sơn Hoà, tỉnh Đắk Lắk (X: 1440483 ; Y: 552187)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp; 4. Cấp nước cho thủy điện
1.7	Đoạn sông Ba 7: Trạm thủy văn Công Sơn đến cửa biển	52	Xã Sơn Hoà, tỉnh Đắk Lắk (X: 1440483 ; Y: 552187)	Cửa biển (X: 1447042 ; Y: 588776)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp; 4. Cấp nước cho thủy điện 5. Chức năng bảo vệ sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, bảo tồn đa dạng sinh học 6. Cấp nước cho vận hóa, du lịch
2	**Sông Ea Son**	63	Xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk (X: 1456752 ; Y: 474832)	Xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (X: 1498088 ; Y: 479526)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
3	**Suối Ea Tia**	5	Xã Ea Hiao, tỉnh Đắk Lắk (X: 1471297 ; Y: 476820)	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk (xã Ia Hiao, Gia Lai và xã Ea Hiao, Đắk Lắk) (X: 1478433 ; Y: 477937)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
4	**Sông Ia Bal**	24			
4.1	Đoạn sông Ia Bal1: từ thượng nguồn đến ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk	12	Thượng nguồn thuộc xã Ea Hiao, Đắk Lắk (X: 1478011 ; Y: 471002)	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (xã Phú Thiện, Gia Lai và xã Ea H'Leo, Đắk Lắk) (X: 1478847 ; Y: 474142)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
4.2	Đoạn sông Ia Bal2: từ ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk đến trước điểm nhập lưu vào sông Ea Son	12	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (xã Phú Thiện, Gia Lai và xã Ea H'Leo, Đắk Lắk) (X: 1478847 ; Y: 474142)	Nhập lưu sông Ea Son thuộc địa phận xã Phú Thiện, Gia Lai (X: 1487920 ; Y: 475276)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
5	**Sông EA Ko nho**	10	Xã Ea Hiao, Đắk Lắk (X: 1473629 ; Y: 470143)	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (xã Ea Hiao, Đắk lk và xã Phú Thiện, Gia Lai (X: 1478897 ; Y: 474116)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
6	**Phụ lưu số 1**	3,5	Xã Phú Thiện, Gia Lai (X: 1480363 ; Y: 468409)	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (xã Phú Thiện, Gia Lai và xã Ea Hiao, Đắk Lắk) (X: 1478940 ; Y: 471028)	Bảo vệ sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh
7	**Sông Ia Hao**	37	Xã Ea Hiao, tỉnh Đắk Lắk (X: 1466632 ; Y: 479741)	Phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai (X: 1486390 ; Y: 492259)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
8	**Suối Ea Chre Lao**	12	Xã Ea Hiao, Đắk Lắk (X: 1465531 ; Y: 478303)	Vị trí ranh giới xã Ia Hiao và xã Ia Rbol, Gia Lai (X: 1476656 ; Y: 479335)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
9	**Sông Ea Rbol**	42	Xã Tam Giang, tỉnh Đắk Lắk (X: 1453605 ; Y: 493563)	Phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai (X: 1480119 ; Y: 495065)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp
10	**Suối Ia Rau**	9,5	Ranh giới tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk (xã Uar, Gia Lai và xã Ea Hiao, Đắk Lắk) (X: 1462119 ; Y: 493563)	Ranh giới tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk (xã Ia Hrung, Gia Lai và xã Ea Hiao, Đắk Lắk) (X: 490601 ; Y: 495643)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
11	**Sông Ea Mlách**	54	Xã Phú Mỡ, tỉnh Đắk Lắk (X: 1480770 ; Y: 535088)	Xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai (X: 1455885 ; Y: 521301)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 4. Cấp nước cho thủy điện
12	**Suối Lôn**	8	Xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai (X: 1465465 ; Y: 541150)	Xã Try Sơn, tỉnh Đắk Lắk (X: 1465344; Y: 534560)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp
13	**Sông Cà Lúi**	56	Xã Try Sơn, tỉnh Đắk Lắk (X: 1476783 ; Y: 540307)	Xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai (X: 1450581 ; Y: 527923)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp
14	**Sông Krông Nang**	134			
14.1	Đoạn sông Krông Nang 1: từ thượng nguồn đến thuỷ điện Krông H' Năng	107	Xã Tam Giang, tỉnh Đắk Lắk (X: 1452768 ; Y: 4941134)	Xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk (X: 1437228 ; Y: 518863)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Chức năng bảo vệ sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, bảo tồn đa dạng sinh học 4. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 5. Cấp nước cho thủy điện
14.2	Đoạn sông Krông Nang 2: từ thuỷ điện Krông H' năng đến trước vị trí điểm nhập lưu sông Ba	27	Xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk (X: 1437228 ; Y: 518863)	Xã Ia HDreh, tỉnh Gia Lai (X: 1449060; Y: 527468)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 4. Cấp nước cho thủy điện
15	**Suối Ea Krz**	24			
15.1	Đoạn sông Ea Krz1: từ thượng nguồn đến ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk	10	Xã Ia HDreh, Gia Lai (X: 1441307 ; Y: 505091)	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (xã Ia HDreh, Gia Lai và xã Ea Kroếp, Đắk Lắk) (X: 1440739 ; Y: 505341)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
15.2	Đoạn sông Ea Krz2: từ ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk đến vị trí trước nhập lưu tại vị trí trước điểm nhập lưu sông Ea Pych	14	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk (xã Ia Hdreh, Gia Lai và xã Ea Kroếp, Đắk Lắk) (X: 1440739 ; Y: 505341)	Xã Ea Kroếp, Đắk Lắk (X: 1433878 ; Y: 512010)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
16	**Phụ lưu số 1**	7	Ranh giới giữa xã Ia Dreh, Gia Lai và xã Ea Kroếp, Đắk Lắk (X: 1438836 ; Y: 517799)	Xã Ia Dreh, Gia Lai (X: 1439854 ; Y: 517594)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho chăn nuôi công nghiệp 3. Cấp nước cho sinh hoạt
17	**Suối Hnm**	15	Xã Ea Ly, tỉnh Đắk Lắk (X: 1452512 ; Y: 530040)	Xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai (X: 1440869 ; Y: 526132)	1. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 2. Cấp nước cho sản xuất công nghiệp
18	**Sông Ký Lô**	105			
18.1	Đoạn Sông Ký Lô 1: từ thượng nguồn đến ranh giới tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai	10,6	Xã Phú Mỡ, tỉnh Đắk Lắk (X: 1482507 ; Y: 533645)	Ranh giới tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai (xã Phú Mỡ, Đắk Lắk và xã Ia Rsai, Gia Lai) (X: 1490115 ; Y: 5315158)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho thủy điện
18.2	Đoạn Sông Ký Lô 2: từ ranh giới tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai đến cửa biển	94,4	Ranh giới tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai (xã Phú Mỡ, Đắk Lắk và xã Ia Rsai, Gia Lai) (X: 1490115 ; Y: 5315158)	Xã Tuy An Đông, tỉnh Đắk Lắk (X: 1478646 ; Y: 582476)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho thủy điện
19	**Sông Bàn Thạch**	69	Xã Hoà Nghĩ Tây, tỉnh Đắk Lắk (X: 1418153 ; Y: 568639)	Phường Hoà Hiệp, tỉnh Đắk Lắk (X: 1432192 ; Y: 599487)	1. Cấp nước sinh hoạt 2. Cấp nước sản xuất nông nghiệp, mưới trồng thủy sản 3. Cấp nước cho sản xuất công nghiệp

NGUỒN NƯỚC DỰ PHÒNG CẤP NƯỚC CHO SINH HOẠT

TT	Khu vực cấp nước	Lượng nước dự phòng (Trăm m3)	Nguồn nước dự phòng	Vị trí nguồn nước
I	**Thượng sông Ba**			
1	Xã Krông, Gia Lai	0,19	Nước mặt; Nước dưới đất	Hồ Ka Nak; Tầng chứa nước Bazan
II	**An Khê - Ba Ayun**			
2	Xã Kông Chro, Gia Lai	0,14	Nước dưới đất	Tầng chứa nước Bazan
3	Phường An Khê, Gia Lai	0,20	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng
4	Xã Đak Pơ, Gia Lai	0,06	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng
5	Xã Ia Pa, Gia Lai	0,07	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng
III	**Trung lưu sông Ba**			
6	Xã Phú Túc, Gia Lai	0,15	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng
7	Xã Sơn Hòa, Đắk Lắk	0,14	Nước mặt; Nước dưới đất	Hồ sông Ba Hạ; Tầng chứa nước lỗ hổng
8	Phường Ayun Pa, Gia Lai	0,05	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng
IV	**Hạ lưu sông Ba**			
9	Phường Tuy Hòa, Đắk Lắk	0,57	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng
V	**Ba Ayun**			
10	Xã Phú Thiện, Gia Lai	0,25	Nước dưới đất	Tầng chứa nước Bazan
11	Xã Chư sE, Gia Lai	0,35	Nước dưới đất	Tầng chứa nước Bazan
VI	**Sông Hinh**			
12	Xã Sông Hinh, Đắk Lắk	0,13	Nước mặt; Nước dưới đất	Hồ sông Ba Hạ; Tầng chứa nước Bazan
VII	**Krông Nang**			
13	Xã Krông Năng, Đắk Lắk	0,15	Nước dưới đất	Tầng chứa nước Bazan
14	Xã M'Drăk, Đắk Lắk	0,07	Nước dưới đất	Tầng chứa nước khe nứt
15	Xã Ea Kar, Đắk Lắk	0,29	Nước dưới đất	Tầng chứa nước Bazan
VII	**Phụ cận**			
16	Xã Tuy An Tây, Đắk Lắk	0,09	Nước mặt; Nước dưới đất	Hồ Đồng Tròn; Tầng chứa nước lỗ hổng
17	Xã Đông Xuân, Đắk Lắk	0,11	Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng

CHÚ GIẢI

I. NỀN ĐỊA HÌNH

- Đường địa giới hành chính cấp tỉnh
- Đường địa giới hành chính cấp xã
- TỈNH GIA LAI — Tên tỉnh
- Ao hồ, sông, suối
- Vùng lưu vực sông Ba
- QL.1 — Đường giao thông

II. PHÂN VÙNG QUY HOẠCH

- Tiểu vùng thượng lưu sông Ba
- Tiểu vùng An Khê - Ba Ayun
- Tiểu vùng Ba Ayun
- Tiểu vùng trung lưu sông Ba
- Tiểu vùng Krông Năng
- Tiểu vùng sông Hinh
- Tiểu vùng hạ lưu sông Ba
- Vùng phụ cận

III. CHUYỂN NƯỚC LƯU VỰC

- Vị trí chuyển nước

IV. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

- Trạm thủy văn
- Trạm khí tượng
- Công trình KTSD nước mặt
- Công trình xả nước thải
- Thủy điện (công suất phát điện)
- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp
- Nhà máy nước (Công suất cấp nước)
- Hồ chứa
- Công trình khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 200 - 3000 m3/ngày: A: Lưu lượng khai thác (m3/ngày)
- Công trình khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 10 - 200 m3/ngày
- Khu vực bổ cập nước dưới đất tầng chứa nước qh
- Khu vực bổ cập nước dưới đất tầng chứa nước qp
- Khu vực thiếu nước sinh hoạt
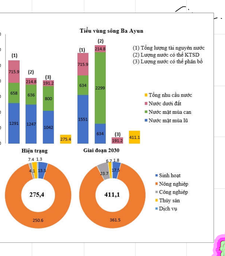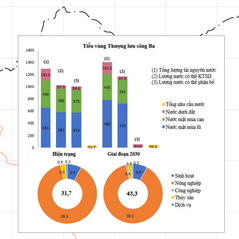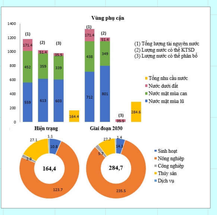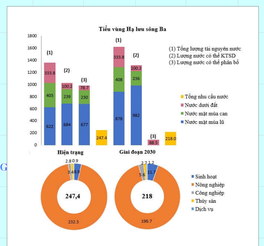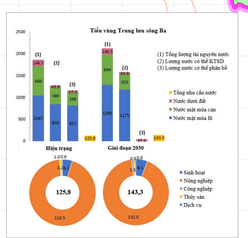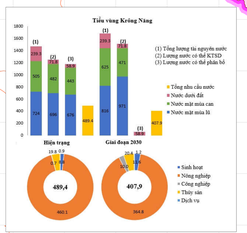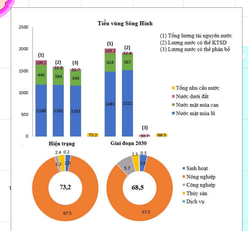
TỶ LỆ 1:100.000